TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 134/2023/DS-ST Ngày: 29 – 9 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước .

Ông Đào Khel .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 9 năm 2023 và ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2023/QĐXXST-DS ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T1 JACCS (JIVF). Địa chỉ trụ sở: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hứa Minh T – nhân viên quản lý công nợ. Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh năm: 1990. Cùng địa chỉ: Số I, đường P, khóm C, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023 của Công ty T1 JACCS (JIVF) (sau đây viết là Công ty J) và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Hứa Minh T:

Ngày 25/9/2020, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 ký hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 với Công ty J vay mua ô tô theo hình thức thế

chấp trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng ô tô Trường V có địa chỉ tại số F Quốc lộ I, khu vực T, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất năm: 8,9772%.

- Số tiền thanh toán: 7.377.882 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu từ ngày 02/11/2020.

- Số tiền vay: 355.607.000 đồng.

Quá trình thực hiện, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 đã thanh toán nợ gốc 112.151.330 đồng, lãi 50.226.317 đồng và lãi suất quá hạn là 23.976 đồng. Tổng số tiền trả được 162.401.623 đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán là 246.587.365 đồng (nợ gốc là 243.455.670 đồng, lãi 3.116.777 đồng và lãi suất quá hạn 14.918 đồng).

Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 830160000706976000-HĐTC ký kết giữa ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 với Công ty J. Tài sản thế chấp là xe ô tô TERACO TERA 245L/ASU-TK, biển kiểm soát: 83C-087.71; số khung: RM0TM174LKC00100; số máy: JE493ZLQ433071555; chủ sở hữu: Trần Quốc H; GCNĐK xe tải số 018268; số lượng 01; Đơn giá 500.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 02/11/2020 đến ngày 31/8/2022, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 đã thanh toán số tiền 162.401.623 đồng, từ ngày 31/8/2022 ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 25/9/2023 bên vay còn phải trả cho Công ty J số tiền 262.290.995 đồng. Trong đó: nợ gốc: 237.865.979 đồng; Nợ lãi trong hạn 22.838.542 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.586.474 đồng.

Nay Công ty T1 JACCS yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 trả cho Công ty T1 JACCS tính đến ngày 25/9/2023 số tiền 262.290.995 đồng. Trong đó: nợ gốc: 237.865.979 đồng; Nợ lãi trong hạn 22.838.542 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.586.474 đồng và tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các khoản phí sau ngày 25/9/2023 đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 không có khả năng trả nợ hoặc không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T1 JACCS thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp, cụ thể là xe ô tô TERACO TERA 245L/ASU-TK, biển kiểm soát: 83C-087.71; số khung: RM0TM174LKC00100; số máy: JE493ZLQ433071555; chủ sở hữu: Trần Quốc H; GCNĐK xe tải số 018268 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 830160000706976000-HĐTC ký kết giữa ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 với Công ty J.

- Các bị đơn ông Trần Quốc H, bà Nguyễn Thị Cẩm H1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng: về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý vụ án đến nay các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 vắng mặt tại địa chỉ số I đường P, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của các bị đơn theo Hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 ngày 25/9/2020 nhưng các bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nêu trên mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung và thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 vắng mặt nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án... để các bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ, quyền phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được phản hồi từ phía các bị đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét yêu cầu của các bị đơn, như vậy, các bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của các bị đơn mà đã có đủ căn cứ để xác định các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 ngày 25/9/2020, kèm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 25/9/2020 và Hợp đồng thế chấp số 830160000706976000-HĐTC ngày 25/9/2020 giữa Công ty T1 JACCS với ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét thấy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 ngày 25/9/2020 kèm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 25/9/2020 giữa Công ty T1 JACCS với ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 là giao dịch dân sự tự nguyện, đã được các bên đương sự thực hiện; thỏa thuận của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Cho nên về hình thức và nội dụng của các hợp đồng nêu trên đều phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ vào Bảng kê tiền lãi chi tiết tính đến ngày 25/9/2023 do nguyên đơn cung cấp thì từ ngày 02/11/2020 đến ngày

31/8/2022, các bị đơn đã thanh toán số tiền 162.401.623 đồng. Từ ngày 31/8/2022 ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ không tiếp tục trả số tiền vay theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

[5] Tính đến ngày 25/9/2023 ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 còn nợ Công ty J: Nợ gốc: 237.865.979 đồng. Nợ lãi trong hạn 22.838.542 đồng. Nợ lãi quá hạn: 1.586.474 đồng. Tổng cộng: 262.290.995 đồng.

Xét thấy, trong thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 9/2022 các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ không tiếp tục trả số nợ vay theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên việc nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi còn nợ nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về trả nợ gốc, lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 830160000706976000-HĐTC ngày 25/9/2020, tài sản thế chấp là xe ô tô TERACO TERA 245L/ASU-TK, biển kiểm soát: 83C-087.71; số khung: RM0TM174LKC00100; số máy: JE493ZLQ433071555; chủ sở hữu: Trần Quốc H; GCNĐK xe tải số 018268 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số 830160000706976000-HĐTC ký kết giữa ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 với Công ty J. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo các Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, ngày 28/9/2020 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 319 Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 6.167.000 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007785 ngày 08/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.114.550 đồng (mười ba triệu, một trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Số tiền này được hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 JACCS.

1/. Buộc ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 trả cho Công ty T1 JACCS số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2023 tổng cộng là 262.290.995 (hai trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn, chín trăm chín mươi lăm) đồng. Trong đó: nợ gốc: 237.865.979 đồng; nợ lãi trong hạn 22.838.542 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.586.474 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 ngày 25/9/2020 kèm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 25/9/2020.

Kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 830160000706976000 ngày 25/9/2020 kèm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 25/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 JACCS cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T1 JACCS.

2/. Trường hợp ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Công ty T1 JACCS có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ nợ vay là xe ô tô: xe ô tô TERACO TERA 245L/ASU-TK, biển kiểm soát: 83C-087.71; số khung: RM0TM174LKC00100; số máy: JE493ZLQ433071555; chủ sở hữu: Trần Quốc H; GCNĐK xe tải số 018268 theo Hợp đồng thế chấp số 830160000706976000-HĐTC ngày 25/9/2020.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 6.167.000 đồng (sáu triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007785 ngày 08/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.114.550 đồng (mười ba triệu, một trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) các bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Cẩm H1 để hoàn trả lại cho Công ty T1 JACCS.

4/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị được được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trúc Phương